

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 7 - 2021
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thịnh

Ông Nguyễn Hồng Diệm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1979; CMND số 073110051, Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 08/10/2009; nơi cư trú: Nhà số 4, tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tài H, sinh năm 1980; CMND số 070935867, Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 13/7/2009; nơi cư trú: Nhà số 4, tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Tài H tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 29/12/2010 tại UBND thị trấn Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Sau khi thành hôn vợ chồng làm nhà ở riêng tại phường X, thành phố Q, tỉnh Tuyên

Quang, đến năm 2014 thì chuyển về thuê nhà ở và làm ăn sinh sống tại thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 5 năm, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mỗi người một quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung hơn nữa anh H thường xuyên uống rượu, không tu trí làm ăn, chị có tham gia góp ý nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, do vậy từ đầu năm 2021 cho đến nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân, việc ai người ấy làm, không quan tâm gì đến nhau. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tài H. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị sinh được 01 con chung là cháu Nguyễn Mạnh P, sinh ngày 24/4/2012, hiện nay cháu đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Tài H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N chung sống với nhau từ ngày 29/12/2010 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Sau khi cưới, vợ chồng làm nhà ở riêng tại phường X, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang, đến năm 2014 thì anh chị chuyển về thuê nhà ở và làm ăn sinh sống tại thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đôi khi cũng có những mâu thuẫn nhỏ, nhưng nếu chị N có đơn xin ly hôn thì anh cũng nhất trí. Về con chung: Quá trình chung sống anh chị sinh được 01 con chung là cháu Nguyễn Mạnh P, sinh ngày 24/4/2012, sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 10/5/2021, Tòa án lấy lời khai của cháu Nguyễn Mạnh P là con chung của chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tài H, cháu Nguyễn Mạnh P trình bày, nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ để thuận tiện cho việc học hành và sinh hoạt hàng ngày của cháu. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên hòa giải, chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tài H đã thống nhất được những nội dung sau: Về quan hệ hôn nhân, chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tài H tự nguyện thuận tình ly hôn; Về tài sản chung, công nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên về con chung, anh chị chưa thống nhất được người trực tiếp nuôi dưỡng con, cụ thể: chị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Mạnh P cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh H không nhất trí và anh cũng đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại các biên bản xác minh của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với em gái của chị Nguyễn Thị N, Tổ trưởng tổ dân phố L, thị trấn T, Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ thị trấn Vĩnh Tuy về tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con của chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tài H như sau:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tài H có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang theo quy định của pháp luật và anh chị có đăng ký HKTT tại thị trấn T. Hiện nay anh chị đang thuê nhà ở tại tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Q. Chị Nguyễn Thị N được bố mẹ sinh ra và lớn lên tại thị trấn T, huyện Q còn anh Nguyễn Tài H là người dưới xuôi lên làm ăn sinh sống tại thị trấn T. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận nhưng cũng có một thời gian xảy ra mâu thuẫn có cãi chửi, đánh đập nhau, tổ dân phố có đến hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Mạnh P, sinh ngày 24/4/2012, hiện nay cháu đã 9 tuổi, đề nghị Tòa án hỏi ý kiến của cháu, nêu nguyện vọng của cháu ở với ai thì Tòa án nên giao cho người đó nuôi dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho trẻ. Còn về điều kiện nuôi con, chị N và anh H đều là lao động tự do, chị N bán hàng ăn và chăn nuôi lợn, còn anh H làm nghề xây dựng, về mức thu nhập bình quân hàng tháng của anh chị cơ bản cũng như nhau, hiện nay anh chị chưa có nhà mà đang đi ở thuê, hiện nay cháu P đang ở cùng với mẹ và vẫn được đi học và phát triển bình thường. Do đó, theo ý kiến của chính quyền địa phương nếu vợ chồng chị N và anh H ly hôn thì nên giao cháu P cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu để không bị xáo trộn việc học tập, sinh hoạt hàng ngày cũng như để đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý của cháu.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 BLTTDS, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Tài H.

- Việc nuôi con: giao cháu Nguyễn Mạnh P, sinh ngày 24/4/2012 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Tài H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn là anh Nguyễn Tài H, anh Nguyễn Tài H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Bắc Quang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tài H xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên uống rượu, không tu trí làm ăn dẫn đến tình cảm vợ chồng bị dạn nứt. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được tổ dân phố hoà giải nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Tài H.

[4] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình chung sống, anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Mạnh P, sinh ngày 24/4/2012. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị N xuất phát từ tình cảm, vì lợi ích của con. Mặt khác cháu P có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu P cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Tài H.

2. Về việc nuôi con: Xử giao cháu Nguyễn Mạnh P, sinh ngày 24/4/2012 cho chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị N, anh H có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai thu số: 0003002, ngày 07/4/2021.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thịnh Nguyễn Hồng Diên

Nguyễn Thị N

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND thị trấn Vĩnh Tuy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị N

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thịnh Nguyễn Hồng Diện

Nguyễn Thị N

